

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		8.5	Đảm, năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		7.0	Bảy	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		7.0	Bảy	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		8.0	Đám	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		7.0	Bảy	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		8.5	Đám, năm	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		8.5	Đám, năm	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		7.0	Bảy	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		7.0	Bảy	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		9.0	Chín	
13	2410100027	Nguyễn Văn Linh	28/07/2005	C26QT1				Lý
14	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		7.0	Bảy	
15	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		8.0	Đám	
16	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		8.0	Đám	
17	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		8.5	Đám, năm	
18	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		10	Mười	
19	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		8.5	Đám, năm	
20	2410100030	Trần Viết Phú	03/12/2004	C26QT1				Vương
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
23	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1		6.5	Sáu, năm	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		7.5	Bảy, năm	

- Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 02. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày 16 tháng 5 năm 2015

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình

TRƯỞNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		8.5	Tám, năm	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		8.0	Tám	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		8.0	Tám	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		8.5	Tám, năm	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		8.0	Tám	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		7.0	Bảy	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		8.5	Tám, năm	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		8.0	Tám	
13	2410100027	Nguyễn Văn Linh	28/07/2005	C26QT1				L2
14	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		8.5	Tám, năm	
15	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		8.0	Tám	
16	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		9.0	Chín	
17	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
18	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		8.0	Tám,	
19	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		9.0	Chín	
20	2410100030	Trần Việt Phú	03/12/2004	C26QT1				
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		8.0	Tám	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
23	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1		7.5	Bảy, năm	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		8.0	Tám	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày 8 tháng 6 năm 2015

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa

Ngày 07 tháng 06 năm 2015

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Anh

TRU

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		7.5	Bay, năm	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		9.5	Chín, năm	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		8.0	Tám	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2		8.5	Tám, năm	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2		10	Mười	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		8.5	Tám, năm	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		9.0	Chín	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		8.0	Tám	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2		9.0	Chín	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		10	Mười	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		9.0	Chín	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2				
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		10	Mười	
14	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 02 . Số bài thi: 12 / 14 .

Ngày 16 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		6.0	Sai	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		8.0	Đúng	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		6.5	Sai, năm	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2		6.5	Sai, năm	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2		7.5	Đúng, năm	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		6.0	Sai	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		7.5	Đúng, năm	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		6.5	Sai, năm	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2		7.0	Đúng	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		6.0	Sai	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		6.5	Sai, năm	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2				
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		8.5	Đúng, năm	
14	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 02 . Số bài thi: 12 / 14 .

Ngày 18 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 18 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	1Ch	8.0	Tam	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	D	9.0	Chun	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Hanh	9.0	Chun	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Han	8.5	Tam, năm	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	H	9.0	Chun	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	9.0	Chun	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	Linh	7.5	Bai, năm	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	Phan	9.0	Chun	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Ly	6.5	Sai, năm	
10	2410120030	Vi Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC				
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	no	8.5	Tam, năm	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	nh	8.5	Tam, năm	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	Nhi	7.5	Bai, năm	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	10	Mười	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	Quy	8.5	Tam, năm	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thuan	10	Mười	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	10	Mười	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thu	7.5	Bai, năm	E2
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	Th	8.5	Tam, năm	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Tiem	7.5	Bai, năm	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Tr	7.0	Bai	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	C26TC	Tr	8.5	Tam, năm	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC	Thuy	7.5	Bai, năm	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Thuc	7.5	Bai, năm	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	V	8.5	Tam, năm	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	9.0	Chun	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 01. Số bài thi: 15 / 25.

Ngày: 16 tháng 5 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa

Ngày: 15 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Phương Bình

TRƯỜNG

TRƯỜNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	C26TC	1Ch	8.0	Đem	
2	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	C26TC	P	8.0	Đem	
3	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	C26TC	Hanh	8.0	Đem	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	C26TC	Hân	8.0	Đem	
5	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	C26TC	Hoa	9.0	Chín	
6	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	8.0	Đem	
7	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	C26TC	Linh	7.5	Bảy, năm	
8	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	C26TC	Linh	9.0	Chín	
9	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	C26TC	Ly	8.0	Đem	
10	2410120030	Vì Thị Ngọc	15/03/1995	C26TC				
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	C26TC	N	7.5	Bảy, năm	L2
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006	C26TC	Nhi	8.0	Đem	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006	C26TC	Nhi	8.0	Đem	
14	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	7.0	Bảy	
15	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	C26TC	Quy	7.5	Bảy, năm	
16	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	C26TC	Thu	8.0	Đem	
17	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	9.0	Chín	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	C26TC	Thur	7.5	Bảy, năm	L2
19	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	C26TC	Tien	9.0	Chín	
20	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	C26TC	Tien	8.5	Đem, năm	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	C26TC	Tram	8.0	Đem	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoan Trinh	06/10/2006	C26TC	Trinh	8.0	Đem	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	C26TC	Trinh	9.0	Chín	
24	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	C26TC	Truc	8.0	Đem	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	8.0	Đem	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	C26TC	Y	7.5	Bảy, năm	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 07. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 28 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình

TRƯỞ

THA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100220	Hồ Phát	Đạt	15/07/2004	C24QT7	<i>Ant</i>	6.5	Sau, năm	
2	2210100225	Nguyễn Trọng	Phúc	20/08/2004	C24QT7	<i>Phu</i>	6.0	Sau	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 .

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100220	Hồ Phát	Đạt	15/07/2004	C24QT7	<i>At</i>	5.5	Năm, năm	
2	2210100225	Nguyễn Trọng	Phúc	20/08/2004	C24QT7	<i>Mus</i>	5.0	Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 .Ngày 24 tháng 6 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nak
*Trần Thị Hoa*Ngày 24 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mus
Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Dung	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		9.0	Chín	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		9.5	Chín, năm	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		10	Mười	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		9.5	Chín, năm	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		10	Mười	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		10	Mười	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		8.5	Tám, năm	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		9.0	Chín	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		10	Mười	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6.5	Sáu, năm	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		5.5	Năm, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		8.5	Tám, năm	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		9.5	Chín, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		10	Mười	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		8.5	Tám, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	C26KT		10	Mười	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		8.0	Tám	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		10	Mười	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		9.5	Chín, năm	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		10	Mười	L2
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		8.5	Tám, năm	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		9.0	Chín	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		7.5	Bảy, năm	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		10	Mười	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		9.0	Chín	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		9.0	Chín	

STT	Mã SV	Họ và tên	Trình	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT	<i>duy</i>	9.0	Chín	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Truc</i>	7.5	Bảy rưỡi	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Buyen</i>	9.0	Chín	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	8.0	Tám	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	8.0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31 / 31.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nak
Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nus
Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	C26KT		9.0	Chín	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	C26KT		7.0	Bảy	
3	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996	C26KT		10	Mười	
4	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001	C26KT		8.0	Tám	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	C26KT		7.0	Bảy	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	C26KT		9.5	Chín, năm	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	C26KT		8.0	Tám	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	C26KT		7.0	Bảy	
9	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	C26KT		8.5	Tám, năm	
10	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	C26KT		6.0	Sáu	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/6/2006	C26KT		5.5	Năm, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	C26KT		6.5	Sáu, năm	
13	2410110024	Đấy Minh Như	13/07/2006	C26KT		7.5	Bảy, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	C26KT		8.0	Tám	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	C26KT		6.5	Sáu, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	C26KT		9.0	Chín	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994	C26KT		6.5	Sáu, năm	
18	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	C26KT		8.0	Tám	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	C26KT		8.0	Tám	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT		9.0	Chín	
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	C26KT		6.0	Sáu	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	C26KT		6.5	Sáu, năm	
23	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	C26KT		7.0	Bảy	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT		7.5	Bảy, năm	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	C26KT		8.5	Tám, năm	
26	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	C26KT		7.0	Bảy	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT		8.0	Tám	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT		6.5	Sáu, năm	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT		8.0	Tám	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT		7.0	Bảy	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT		6.5	Sáu, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31 / 31.

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

TRƯỜNG

17/2

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110423304

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 18/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006			6,0	Sau	C26QT1
2	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006			7,0	Bây	C26KT
3	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002			5,0	Nam	C26QT1
4	2410100044	Nguyễn Thị Minh	Thơ	18/05/2006			6,5	Sau, nam	C26QT2
5	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006			5,5	Nam, nam	C26QT1
6	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006			9,0	Chín	C26KT
7	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006			7,0	Bây	C26TC
8	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006			7,0	Bây	C26TC
9	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006			8,0	Tam	C26KT
10	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006			5,5	Nam, nam	C26TC
11	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006			7,5	Bây, nam	C26KT
12	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005			6,0	Sau	C26TC
13	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006			5,0	Nam	C26TC
14	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003			6,0	Sau	C26KT
15	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006			8,0	Tam	C26KT
16	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006			6,0	Sau	C26TC
17	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004			7,0	Bây	C26KT
18	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006			7,0	Bây	C26KT
19	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	Trình	06/10/2006			6,0	Sau	C26TC
20	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006			6,5	Sau, nam	C26TC
21	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005			8,0	Tam	C26KT
22	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006			5,5	Nam, nam	C26TC
23	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006			6,5	Sau, nam	C26KT
24	2410100002	Phạm Trung	Trực	04/07/2004			5,5	Nam, nam	C26QT1
25	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006			7,5	Bây, nam	C26KT
26	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006			7,0	Bây	C26KT
27	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004			5,5	Nam, nam	C26KT
28	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006			6,0	Sau	C26TC
29	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002			6,0	Sau	C26QT1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<i>Y</i>		5,5	Năm, năm	C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 30 / 30.

Số sinh viên đạt: 30 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 20 tháng 7 năm 2025.

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày 19 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 24311MH110423304

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Ngày thi: 18/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên:

Giám thị 2: Cao Văn Tài

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003			7,5	Bài, năm	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006			6,0	Sau	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006			6,5	Sau, năm	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006			6,5	Sau, năm	C26QT2	
5	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006			7,0	Bài	C26TC	
6	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006			6,0	Sau	C26QT1	
7	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006			7,5	Bài, năm	C26QT2	
8	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000			8,5	Sau, năm	C26KT	
9	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006			6,5	Sau, năm	C26TC	
10	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006			6,5	Sau, năm	C26QT1	
11	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006			6,5	Sau, năm	C26QT2	
12	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004			7,0	Bài	C24QT7	
13	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006			6,5	Sau, năm	C26QT1	
14	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006			6,5	Sau, năm	C26QT2	
15	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006			6,5	Sau, năm	C26QT2	
16	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006			9,0	Chín	C26KT	
17	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996			9,5	Chín, năm	C26KT	
18	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001			8,5	Sau, năm	C26KT	
19	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004			7,5	Bài, năm	C26KT	
20	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006			7,5	Bài, năm	C26TC	
21	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006			6,0	Sau	C26QT1	
22	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006			6,5	Sau, năm	C26TC	
23	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006			9,5	Chín, năm	C26KT	
24	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006			7,0	Bài	C26QT1	
25	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006			6,5	Sau, năm	C26QT1	
26	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006			7,0	Bài	C26QT2	
27	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006			7,0	Bài	C26KT	
28	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006			7,5	Bài, năm	C26TC	
29	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006			6,0	Sau	C26QT1	
30	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005			6,0	Sau	C26QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006			7.0	Bảy	C26QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 31 / 31.

Số sinh viên đạt: 31 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 20 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 19 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



TRƯỜNG CĐ B.C CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110423304

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 18/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100038	Chung Lê Quốc	Hy	24/01/2006			6,5	Sau, năm	C26QT2	
2	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003			6,5	Sau, năm	C26TC	
3	2410100039	Nguyễn Hoàng	Kim	29/05/2006			6,0	Sau	C26QT2	
4	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006			7,0	Bay	C26TC	
5	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006			7,0	Bay	C26TC	
6	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005			7,0	Bay	C26QT1	
7	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005			7,0	Bay	C26KT	
8	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006			6,0	Sau	C26KT	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006			6,0	Sau	C26TC	
10	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006			5,5	Năm, năm	C26KT	
11	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006					C26QT1	10
12	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006			7,0	Bay	C26QT1	
13	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006			6,0	Sau	C26QT1	
14	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000			6,0	Sau	C26TC	
15	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006			6,5	Bay, năm	C26KT	
16	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006			7,0	Bay	C26TC	
17	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006			6,0	Sau	C26TC	
18	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006			7,0	Bay	C26QT1	
19	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006			6,0	Sau	C26QT1	
20	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006			7,5	Bay, năm	C26KT	
21	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006			7,0	Bay	C26KT	
22	2410100048	Trần Thị Hà	Ny	13/12/2006			5,5	Năm, năm	C26QT2	
23	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006			5,5	Năm, năm	C26KT	
24	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004			6,0	Sau	C26TC	
25	2410100033	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	21/03/2006			7,5	Bay, năm	C26QT2	
26	2210100225	Nguyễn Trọng	Phúc	20/08/2004			6,0	Sau	C24QT7	
27	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006			9,0	Chín	C26KT	
28	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006			7,0	Bay	C26TC	
29	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994					C26KT	10
30	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006			8,0	Tám	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006			7.5	Bảy, năm	C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 29 / 29 .
 Số sinh viên đạt: 29 Tỷ lệ đạt: %

Ngày 20 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 19 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

